

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/HSST**
Ngày: 17-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bảnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa – Phó Trưởng phòng Giáo dục-Đào tạo huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Ông Đỗ Thanh Hiền – Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2021/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm: 1999. Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký HKTT: số 260/9E đường BH, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L (1971) và bà Đặng Thị M (1963, chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 01/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. *Có mặt*

***Người bị hại:**

1/ Nguyễn Hoài A (T), sinh ngày 03/01/2005.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm: 1971. *Cả hai có mặt*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

2/ Nguyễn An H, sinh ngày 28/8/2004. *Vắng mặt*

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm: 1976. *Vắng mặt*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

3/ Trần Anh K, sinh ngày 15/02/2003. *Vắng mặt*

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Tô Thị K1**, sinh năm: 1978. *Vắng mặt*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

4/ Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 14/4/2005.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Minh T2**, sinh năm: 1979.

(cả hai có mặt)

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

5/ Nhữ Thanh Q, sinh ngày 07/6/2005

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nhữ Thanh L1**, sinh năm: 1980

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

(Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Q: Ông Phạm Minh Đ -
Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. *Có mặt*

6/ Nguyễn Huỳnh Minh T3, sinh ngày 07/7/2005. *Có mặt*

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm: 1979. *Vắng mặt.*

Trú tại: ấp ĐP, xã TB, huyện CG, Tiền Giang

Chỗ ở: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại T3: Ông Nguyễn Bảo
Hoàng G - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. *Có mặt*

7/ Đỗ Văn Đ1, sinh ngày 13/6/2005

Người đại diện theo pháp luật: **Đỗ Văn T4**, sinh năm: 1980

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

(có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đạt: Ông Hoàng Thanh
Đ2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. *Có mặt*

8/ Lê Đức D, sinh ngày 17/8/2005. *Có mặt*

Người đại diện theo pháp luật: **Lê Văn T5**, sinh năm: 1973. *Vắng mặt*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại D: Ông Trần Xuân H2 -
Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. *Có mặt*

9/ Giảng Chí T6, sinh ngày 05/12/2004.

Người đại diện theo pháp luật: **Phan Thị Thanh T7**, sinh năm: 1981 *(cả hai có mặt)*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Nhựt T8, sinh ngày 21/7/2005. *Vắng mặt*

Người đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1971. *Có mặt*

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

2/ Đỗ Đăng K2, sinh ngày 14/6/2005

Người đại diện theo pháp luật: **Cao Thị Thanh H3**, sinh năm: 1980

Trú tại: ấp LT, xã LA, huyện CT, Tiền Giang

(xin vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tiến, K2: Bà **Bùi Thị Khánh T9** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Tiền Giang. Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N có quen biết với các em học sinh lớp 9 của Trường Trung học cơ sở Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang gồm Đỗ Đăng K2, Nguyễn Nhật T8 và một số người khác. Khoảng tháng 9 năm 2019 do không có tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các em học sinh bằng cách thu tiền bảo kê.

Để thực hiện ý định, N đe dọa yêu cầu K2 và T8 thông báo cho các em học sinh phải đóng tiền cho N, đồng thời K2 và T8 phải đi thu tiền cho N. N cũng gặp trực tiếp một số em học sinh rồi dùng lời nói đe dọa buộc các em phải đóng tiền. Nếu K2, T8 không thu tiền và các em học sinh không đóng tiền thì tất cả sẽ bị N đánh. Do sợ bị N đánh nên các em học sinh phải đóng tiền cho N, gồm:

- 1/ Nguyễn Hoài A (T), sinh ngày 03/01/2005
- 2/ Nguyễn An H, sinh ngày 28/8/2004
- 3/ Trần Anh K, sinh ngày 15/02/2003
- 4/ Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 14/4/2005
- 5/ Nhữ Thanh Q, sinh ngày 07/6/2005
- 6/ Nguyễn Huỳnh Minh T3, sinh ngày 07/7/2005
- 7/ Đỗ Văn Đ1, sinh ngày 13/6/2005
- 8/ Lê Đức D, sinh ngày 17/8/2005
- 9/ Giảng Chí T6, sinh ngày 05/12/2004

Trong đó, K2 thu tiền của các em học sinh từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 10/2019, mỗi ngày thu từ 10.000 đồng đến 15.000 đồng một học sinh, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ thì không thu. Sau đó K2 không thu tiền cho N nữa nên N đe dọa kêu T8 thu tiền cho N. N dùng điện thoại nhắn tin yêu cầu T8 thu tiền, sau đó chụp ảnh màn hình điện thoại kêu T8 gửi cho các em học sinh để đóng tiền cho N, nếu không đóng sẽ bị N đánh. T8 đã thu tiền của các em học sinh từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020, cách thức và số tiền cũng giống như khi K2 thu. Khi K2 thu tiền thì thu luôn của T8 và ngược lại. Trong thời gian T8 thu tiền thì em Nhữ Thanh Q không chịu đóng tiền thì bị N đánh ở gần trường học, đồng thời N đe dọa những người khác nếu không đóng tiền sẽ bị đánh giống như Q. Lúc nào cần tiền tiêu xài Nết sẽ gặp K2, T8 để lấy tiền. Tổng số tiền K2 và T8 thu của các em học sinh rồi đưa cho N khoảng 8.000.000 đồng. Đến tháng 02/2020 do nghỉ tết và dịch bệnh Covid -19 nên T8 không thu tiền cho N nữa. Khi nhập học lại, N nhắn tin cho T8 yêu cầu tiếp tục thu tiền nhưng T8 không thu và sau đó thì hành vi của N bị phát hiện.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSCT ngày 25/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn N để xét xử về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

**Tại phiên tòa:*

-Bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng đã nêu, xác định hoàn toàn không có cho tiền K2 và T8, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình. Bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền 3.900.000 đồng nhưng xin khi ra tù đi làm có tiền bồi thường.

-Những người bị hại và người đại diện theo pháp luật rút lại yêu cầu bị cáo bồi thường, cụ thể Nguyễn Hoài A1 số tiền 2.500.000 đồng; Nguyễn Hoài A (T) số tiền 2.500.000 đồng, Lê Đức D số tiền 2.500.000 đồng, Giảng Chí T6 số tiền 1.500.000 đồng; Người đại diện theo pháp luật của T8 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng; Người đại diện theo pháp luật của K2 có đơn rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền rút yêu cầu là 10.100.000 đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn N về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự; Phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 170; Điều 32, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại gồm Đỗ Văn Đ1 số tiền 2.200.000 đồng, Nguyễn An H số tiền 200.000 đồng, Nhữ Thanh Q số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 3.900.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 355677/06/138433/1, số IMEI: 355695/06/138433/3, màn hình có nhiều vết nứt, không gắn sim.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Đức D là ông Trần Xuân H2 trình bày: Bị cáo đe dọa dùng vũ lực đe dọa K2 và T8 để thu tiền, thời gian kéo dài thì mức độ nguy hiểm càng cao, việc xúi giục làm tăng mức độ phạm tội của bị cáo, hành vi đánh Q làm tăng mức độ hành vi của bị cáo. Thống nhất về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu nên mức án như Viện Kiểm sát đề nghị không có ý kiến. Về mức bồi thường thì D đã trên 15 tuổi có quyền định đoạt đối với tài sản nhỏ, do đó D có quyền định 2.500.000 đồng và nay không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên đề nghị ghi nhận.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ Văn Đ1 là ông Hoàng Thanh Đ2 trình bày: Bị cáo là người đã thành niên, đề nghị xét xử đúng pháp luật, không đề nghị tăng nặng đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị trả cho bị hại Đạt số tiền 2.200.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nhữ Thanh Q là ông Phạm Minh Đ trình bày: thống nhất luận tội của Viện Kiểm sát. Về trách nhiệm hình sự: không có ý kiến, đề nghị xét xử theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Q có đơn xin vắng nhưng có yêu cầu bồi thường trong giai đoạn điều tra số tiền 1.500.000 đồng, nay vẫn giữ yêu cầu. Đề nghị trả khi án có hiệu lực pháp luật.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Huỳnh Minh T3 là ông Nguyễn Bảo Hoàng G trình bày: thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự thì bị hại T3 không có yêu cầu từ giai đoạn điều tra. Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Đăng K2, Nguyễn Nhựt T8 là bà Phạm Thị Khánh T9 trình bày quan điểm: thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát và trợ giúp viên H2. Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất ý kiến của cha T8 và đơn rút yêu cầu của người đại diện cho bị hại K2 là không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm hình sự: xin giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được, đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Do không có tiền tiêu xài, Trần Văn N có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và đánh người khác để buộc các em học sinh lớp 9 của Trường Trung học cơ sở Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là những người dưới 16 tuổi, hàng ngày phải đóng tiền cho N trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 02 năm 2020, tổng số tiền N chiếm đoạt của các em học sinh là 8.000.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự (BLHS) như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy, tội phạm mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo

nhận thức được hành vi có lời nói sẽ dùng vũ lực để đe dọa tinh thần của người dưới 16 tuổi và thực tế có dùng vũ lực đối với bị hại Nhữ Thanh Q để các em học sinh phải đóng tiền nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng chỉ vì lười lao động, có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm nhiều lần. Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tính chất côn đồ, phạm tội 02 lần trở lên theo điểm d, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc về việc trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Trần Văn N dùng lời nói đe dọa buộc Đỗ Đăng K2 và Nguyễn Nhựt T8 thu tiền của các em học sinh, nếu K2 và T8 không thu sẽ bị N đánh. K2 và T8 cũng phải đóng tiền cho N. Trong quá trình điều tra, K2 và T8 khai khi N cho tiền thì không có nhận, cả hai không thừa nhận lời khai của N là có nhận tiền do N cho. Tại phiên tòa, Bị cáo N xác định không có cho tiền K2 và T8. Ngoài ra không còn chứng nào khác nên không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm của Đỗ Đăng K2 và Nguyễn Nhựt T8 trong vụ án, không xem xét đối với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại và người đại diện theo pháp luật không yêu cầu bồi thường gồm:

Bị hại Nguyễn Hoài A (Tý) số tiền 2.500.000 đồng

Bị hại Nguyễn Hoài A1 số tiền 2.500.000 đồng.

Bị hại Lê Đức D số tiền 2.500.000 đồng

Bị hại Nguyễn Nhựt T8 bồi thường 1.000.000 đồng

Bị hại Giảng Chí T6 số tiền 1.500.000 đồng

Bị hại Đỗ Đăng K2 có đơn không yêu cầu bồi thường số tiền 100.000 đồng.

Tổng cộng là 10.100.000 đồng

Bị hại Nguyễn Huỳnh Minh T3, Trần Anh K không yêu cầu bồi thường.

Còn lại các bị hại có yêu cầu bị cáo Trần Văn N bồi thường như sau:

Bị hại Đỗ Văn Đ1 yêu cầu số tiền 2.200.000 đồng

Bị hại Nguyễn An H yêu cầu số tiền 200.000 đồng

Bị hại Nhữ Thanh Q yêu cầu số tiền 1.500.000 đồng

Tổng cộng là **3.900.000 đồng**. Bị cáo Trần Văn N đồng ý bồi thường cho các bị hại có yêu cầu nhưng xin khi ra tù có tiền sẽ bồi thường, các bị hại không đồng ý từ giai đoạn điều tra và vắng mặt tại phiên tòa nên cần buộc bị cáo bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

Một điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 355677/06/138433/1, số IMEI: 355695/06/138433/3, màn hình có nhiều vết nứt, không gắn sim, bị cáo dùng để nhắn tin cho T8 và K2 yêu cầu thu tiền của các bị hại, đây là công cụ, phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn N** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 170; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm d, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 04 (**Bốn**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589, 357 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường cho các bị hại: Đỗ Văn Đ1 số tiền 2.200.000 đồng, Nhữ Thanh Q số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn An H số tiền 200.000 đồng, tổng cộng 3.900.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị cáo chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bồi thường gồm: Nguyễn Hoài A1 số tiền 2.500.000 đồng, Nguyễn Hoài A (T) số tiền 2.500.000 đồng, Lê Đức D số tiền 2.500.000 đồng, Đỗ Đăng K2 số tiền 100.000 đồng, Giảng Chí T6 số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Nhựt T8 số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.100.000 đồng.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: một điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 355677/06/138433/1, số IMEI: 355695/06/138433/3, màn hình có nhiều vết nứt, không gắn sim (không kiểm tra bên trong).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/5/2021)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh`